

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **597/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/5/2021

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện B.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1989 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: B12F/53Y ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đào Huy H**, sinh năm: 1990 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: 4A127 ấp N, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà **Nguyễn Thị L** trình bày: Bà và ông **Đào Huy H** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01/2012 cấp ngày 04/9/2012. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc không có gì xảy ra. Đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ăn chơi, cá độ bóng đá, không chăm lo cho gia đình. Bà và ông H đã sống ly thân từ khoảng tháng 4/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đào Huy H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Đào Phi Y (nữ), sinh ngày: 15/11/2012 và Đào Minh N (nam), sinh ngày: 04/02/2020. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ N, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Huy H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đào Huy H. Ông Đào Huy H hiện đang cư trú tại huyện B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Đào Huy H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đào Huy H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Đào Huy H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Đào Huy H nhưng ông H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Đào Huy H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Đào Huy H phải

chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Đào Huy H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà L thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ăn chơi, cá độ bóng đá, không chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Đào Huy H.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đào Huy H có 02 con chung tên Đào Phi Y (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2012 và Đào Minh N (giới tính nam), sinh ngày: 04/02/2020. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Y nếu cha mẹ không còn sống chung thì trẻ muốn sống với mẹ. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông H về con chung giữa bà L và ông H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà L, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao 02 trẻ Đào Phi Y (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2012 và Đào Minh N (giới tính nam), sinh ngày: 04/02/2020 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà L có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Đào Huy H.

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đào Huy H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/9/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đào Huy H có 02 con chung tên Đào Phi Y (giới tính nữ), sinh ngày: 15/11/2012 và Đào Minh N (giới tính nam), sinh ngày: 04/02/2020. Bà Nguyễn Thị L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đào Phi Y và trẻ Đào Minh N; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đào Huy H.

Ông Đào Huy H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi

con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Bà L xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0080758 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà L và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định